UBND XÃ THẠCH XUÂN
VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 02a /BC-VP

Thạch Xuân, ngày 07 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026/ của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1942/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã về việc giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2026 cho Văn phòng HĐND và UBND xã;

Văn phòng HĐND và UBND xã báo cáo hình hình thực hiện dự toán ngân sách 03 tháng năm 2026 như sau:

1. Tình hình thực hiện chi ngân sách 6 tháng năm 2026

Tổng chi: 19.601.427.376 đồng/Dự toán 45.757.606.100/đạt 42,84%

Trong đó:

- *Chi kinh phí giao thực hiện chế độn tự chủ: 5.534.265.128 đồng/Dự toán11.419.919.000đ/đạt 48,46%*
- *Chi kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ:7.391.782.331 đồng/Dự toán 34.337.687.100 đ/đạt 21,527%*

Cụ thể:

+ Chi Quản lý hành chính: 7.003.978.128đ/Dự toán 16.525.645.275đ/đạt 42,38%.

+ Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 31.355.000đ/31.355.000đ/đạt100%

+ Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 656.788.300đ/Dự toán 2.124.000.000đ/đạt 30,92%.

+ Chi Đảm bảo xã hội: 11.619.301.620đ/Dự toán 23.397.576.825đ/đạt 49,66%

+ Chi hoạt động kinh tế: 59.633.928đ/2.150.029.000đ/đạt 2,77%

+ Chi Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 118.739.200/933.000.000đ/đạt 12,73%

+ Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin: 49.110.200đ/250.000.000đ/đạt19,64%

+ Chi phát thanh: 599.000đ/Dự toán 81.000.000đ/đạt 0,74%

+ Chi sự nghiệp TDTT: 61.922.000đ/115.000.000đ/đạt 53,85%

Chi ngân sách 6 tháng năm 2026 chủ yếu chi về các chế độ như Lương, phụ cấp Cán bộ, và các chế độ cho các đối tượng và các hoạt động của các phòng, đơn vị. Đơn vị thực hiện tốt chế độ tự chủ chi phúc lợi cho CBCC, Viên chức và người lao động.

Trên đây là báo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân.

(Chi tiết theo biểu số 75 đính kèm)

Nơi nhận:;
- Hồ sơ công việc;
-Trang thông tin xã;
-Lưu: VT, TC-KT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THẠCH XUÂN - T. HÀ TĨNH

Trần Thị Thu Trang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân. Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ THẠCH XUÂN:

1. Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Chánh Văn phòng

2. Bà: Nguyễn Thị Hải Bình - Chức vụ: Phụ trách Kế toán

NỘI DUNG

Tiến hành niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân.

Thời gian niêm yết: Bắt đầu vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân và trên Trang thông tin điện tử của Xã Thạch Xuân.

Thời gian kết thúc niêm yết: 30 ngày, từ ngày 07/7/2026 đến ngày 07 tháng 8 năm 2026.

Biên bản này được lập thành 01 bản

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN

CHÁNH VĂN PHÒNG	**PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN**
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN X. THẠCH XUÂN - T. HÀ TĨNH	
Trần Thị Thu Trang	**Nguyễn Thị Hải Bình**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT KẾT THÚC
Số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân. Chúng tôi gồm có:

I. ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ THẠCH XUÂN:

1. Bà: Trần Thị Thu Trang - Chức vụ: Chánh Văn phòng
2. Bà: Nguyễn Thị Hải Bình - Chức vụ: Phụ trách Kế toán

NỘI DUNG

Kết thúc niêm yết Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Thời gian niêm yết: Đã đủ 30 ngày, từ ngày 07/7/2026 đến ngày 07/8/2026.

Biên bản này được lập thành 01 bản

CÁC THÀNH PHẦN THAM GIA KÝ TÊN

CHÁNH VĂN PHÒNG	PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM ★ VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN ★ X. THẠCH XUÂN - T. HÀ TĨNH	
Trần Thị Thu Trang	**Nguyễn Thị Hải Bình**

Đơn vị: Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân

Chương: 830

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH (06 THÁNG)

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Văn phòng HĐND và UBND xã Thạch Xuân công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**45.757.606.100**	**19.601.427.376**	**42,84**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**45.757.606.100**	**19.601.427.376**	**42,84**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**16.525.645.275**	**7.003.978.128**	**42,38**	
	011 - Quốc phòng	**1.521.000.000**			
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	1.521.000.000			
	041 - An ninh và trật tự an toàn xã hội	**333.000.000**	**73.100.000**	**21,95**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	333.000.000	73.100.000	**21,95**	
	341 - Quản lý nhà nước	**14.671.645.275**	**6.930.878.128**	**47,24**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	11.419.919.000	5.534.265.128	**48,46**	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	3.251.726.275	1.396.613.000	**42,95**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**150.000.000**			
	105 - Hạ tầng, thiết bị phát triển công nghệ chiến lược	**150.000.000**			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	150.000.000			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	150.000.000			
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**31.355.000**	**31.355.000**	**100,00**	
	098 - Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	**31.355.000**	**31.355.000**	**100,00**	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	31.355.000	31.355.000	**100,00**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**2.124.000.000**	**656.788.300**	**30,92**	
	133 - Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách	**2.124.000.000**	**656.788.300**	**30,92**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.124.000.000	656.788.300	**30,92**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**23.397.576.825**	**11.619.301.620**	**49,66**	
	371 - Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	**13.229.000.000**	**7.656.115.260**	**57,87**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	13.229.000.000	7.656.115.260	**57,87**	
	374 - Lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	**916.378.000**	**458.188.800**	**50,00**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	916.378.000	458.188.800	**50,00**	
	398 - Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	**9.252.198.825**	**3.504.997.560**	**37,88**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.252.198.825	3.504.997.560	**37,88**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**2.150.029.000**	**59.633.928**	**2,77**	
	281 - Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp	**1.177.000.000**	**34.735.750**	**2,95**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.177.000.000	34.735.750	**2,95**	
	282 - Lâm nghiệp và dịch vụ lâm nghiệp	**50.000.000**			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	50.000.000			
	283 - Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	**473.029.000**	**5.220.359**	**1,10**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	473.029.000	5.220.359	**1,10**	
	292 - Giao thông đường bộ	**300.000.000**	**11.064.000**	**3,69**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	300.000.000	11.064.000	**3,69**	
	312 - Kiến thiết thị chính	**150.000.000**	**8.613.819**	**5,74**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	150.000.000	8.613.819	**5,74**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**933.000.000**	**118.739.200**	**12,73**	
	261 - Xử lý chất thải rắn	**933.000.000**	**118.739.200**	**12,73**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	933.000.000	118.739.200	**12,73**	

8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**250.000.000**	**49.110.200**	**19,64**	
	161 - Văn hóa	**250.000.000**	**49.110.200**	**19,64**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	250.000.000	49.110.200	**19,64**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**81.000.000**	**599.000**	**0,74**	
	191 - Phát thanh	**81.000.000**	**599.000**	**0,74**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	81.000.000	599.000	**0,74**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	**115.000.000**	**61.922.000**	**53,85**	
	221 - Thể dục thể thao	**115.000.000**	**61.922.000**	**53,85**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	115.000.000	61.922.000	**53,85**	
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				

Ngày 07 tháng 7 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN X.THẠCH XUÂN-T.HÀ TĨNH

Trần Thị Thu Trang